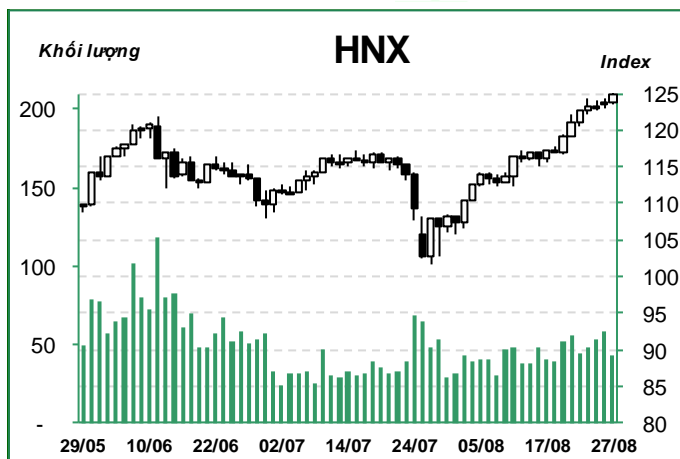
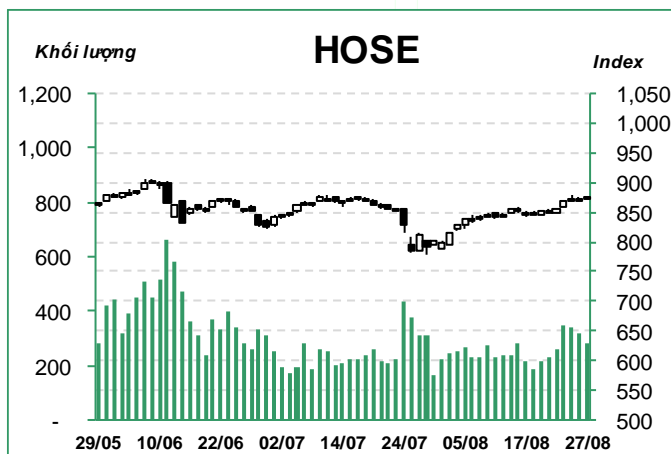


## Tổng quan thị trường

27/08/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>874.71</b>	<b>0.14%</b>	<b>814.55</b>	<b>0.27%</b>	<b>124.92</b>	<b>0.83%</b>
Cuối tuần trước	854.78	2.33%	793.60	2.64%	122.64	1.86%
Trung bình 20 ngày	851.53	2.72%	787.75	3.40%	118.02	5.85%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>325.72</b>	<b>-7.57%</b>	<b>77.38</b>	<b>-20.07%</b>	<b>59.92</b>	<b>-10.32%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>279.11</b>	<b>-13.00%</b>	<b>72.35</b>	<b>-18.75%</b>	<b>42.78</b>	<b>-26.93%</b>
Trung bình 20 ngày	257.83	8.25%	71.89	0.65%	44.77	-4.44%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>6,240.19</b>	<b>0.10%</b>	<b>2,412.63</b>	<b>-11.42%</b>	<b>1,073.41</b>	<b>26.96%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>4,771.74</b>	<b>-15.16%</b>	<b>2,111.81</b>	<b>-15.02%</b>	<b>501.00</b>	<b>-28.13%</b>
Trung bình 20 ngày	4,240.63	12.52%	1,874.67	12.65%	512.81	-2.30%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	241	53%	16	53%	80	22%
<b>Số mã giảm</b>	147	32%	8	27%	83	23%
<b>Số mã đứng giá</b>	67	15%	6	20%	193	54%



Thị trường đồng loạt tăng điểm trở lại với sự khởi sắc của nhiều nhóm ngành vốn hóa vừa và nhỏ. Trong khi đó, áp lực bán từ nhóm cổ phiếu trụ đang dần yếu đi và sẽ sớm quay trở lại xu hướng tăng điểm. Khối ngoại cũng có động thái quay trở lại thị trường trong phiên hôm nay khi mua vào lượng lớn chứng chỉ quỹ của VFMVN Diamond.

Trên sàn HoSE, VN-Index mặc dù chịu áp lực giằng co nhưng vẫn giữ được sắc xanh cuối phiên và đóng cửa tại mức 874.71 điểm (+0.14%). Thanh khoản trên sàn tiếp tục giảm với KLGD khớp lệnh đạt 279.1 triệu cổ phiếu (-13.0%), tương đương 4,772 tỷ đồng giá trị (-15.2%). Độ rộng thị trường tích cực trở lại với sự áp đảo của số mã tăng (241 mã tăng so với 147 mã giảm).

Các trụ cột trên sàn HoSE có diễn biến thiên về giằng co. Trong đó, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.8%), Petrolimex-PLX (+2.7%), FPT-FPT (+3.0%) và Thế giới di động-MWG (+1.8%) là động lực chính kéo điểm cho chỉ số. Bên cạnh đó, dòng tiền cũng hướng đến một số nhóm ngành nổi bật như Hạ tầng, Công nghệ, VLXD và Thủy sản. Ở chiều ngược lại, sức ép đến từ những cổ phiếu trụ như Vinhomes-VHM (-1.3%), BIDV-BID (-0.6%), PV Gas-GAS (-0.7%) và Sabeco-SAB (-0.7%) đã kìm hãm đà tăng của chỉ số.

Khối ngoại duy trì áp lực bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE với giá trị 355.7 tỷ đồng (-3.9%). Trong đó, Vinhomes-VHM (-122.0 tỷ), Viconship -VSC (-73.8 tỷ), Vinamilk-VNM (-37.6 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, lực mua tập trung ở một số cổ phiếu như Petrolimex-PLX (+48.9 tỷ), Vingroup-VIC (+29.4 tỷ), Nam Long-NLG (+22.7 tỷ). Ngoài ra, khối ngoại bất ngờ đẩy mạnh mua ròng hơn 120 tỷ đồng với chứng chỉ quỹ của VFMVN Diamond trong phiên hôm nay.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VCB	1,372.0	114.54
PME	1,429.9	99.43
VSC	2,668.3	93.39
PTL	9,000.0	74.25
GTN	2,250.0	52.43
VHM	566.0	44.59
VNM	379.2	44.49
SJS	1,560.0	35.12
KOS	1,000.0	30.00
NVL	410.0	25.78
<b>HNX</b>		
VCG	15,875.0	531.81
THD	278.0	22.24
IDC	712.5	13.82
GKM	165.0	2.79
SHB	90.1	1.32
ACB	20.0	0.43

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index nổi dài chuỗi tăng với phiên tăng điểm thứ 7 liên tiếp và đóng cửa tại mức 124.92 điểm (+0.83%). Tuy nhiên, KLGD khớp lệnh lại giảm trở lại đạt 42.8 triệu cổ phiếu (-26.9%), tương đương 501.0 tỷ đồng giá trị (-28.1%).

Với các cổ phiếu hỗ trợ nhiều nhất cho đà tăng của chỉ số là Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.4%), Ngân hàng SHB-SHB (+1.5%) và Vinaconex-VCG (+2.0%). Ở chiều ngược lại, Thaiholdings-THD (-6.2%), Cảng Hải Phòng-PHP (-4.6%), Vận tải ngoại thương-VNT (-10.0%) là những cổ phiếu có tác động tiêu cực đến chỉ số.

Về giao dịch khối ngoại, khối ngoại đảo chiều bán ròng 6.7 tỷ đồng trên sàn Hà Nội. Với Vicostone-VCS (-2.4 tỷ), Ngân hàng SHB-SHB (-1.6 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.6 tỷ) dẫn đầu đà bán ròng của khối ngoại. Trong khi đó, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.7 tỷ), In Nông Nghiệp-INN (+0.3 tỷ), Dệt may TNG-TNG (+0.2 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tuy có suy giảm so với phiên trước đó nhưng giữ trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số đang trong xu hướng phục hồi, khi chum MA 5,10,20 trong trạng thái phân kỳ dương, kèm theo đường +DI nằm trên -DI cho tín hiệu củng cố đà tăng điểm hiện tại. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội đi lên thử thách vùng tâm lý 900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục có phiên tăng điểm thứ sáu liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với chum MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn và chỉ số có cơ hội hướng lên vùng mục tiêu 127.4 điểm (Fib 127.2) trong những phiên tới. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi và có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PTL	8.3	617.8	7.0%
VCI	26.1	2,282.0	7.0%
DXV	3.2	17.7	7.0%
DTL	10.8	0.0	7.0%
TAC	55.3	234.3	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DAT	45.0	0.1	-6.9%
VID	10.3	10.0	-6.8%
SAV	12.6	115.5	-6.7%
TNC	21.5	0.9	-6.5%
CMV	13.0	0.0	-6.5%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.3	213.5	0.4%
TCH	21.4	205.3	0.5%
VHM	78.5	185.5	-1.3%
FPT	49.9	182.9	3.0%
PLX	52.8	173.1	2.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITA	4.5	19,553.9	4.2%
OGC	5.1	10,505.9	2.4%
TCH	21.4	9,663.7	0.5%
HPG	24.3	8,801.3	0.4%
HQC	1.7	8,217.1	0.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THB	9.9	0.1	10.0%
S99	21.1	698.2	9.9%
OCH	7.8	0.7	9.9%
SCI	62.4	101.9	9.9%
NHC	30.3	0.6	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.7	83.3	-12.5%
VIG	0.7	224.6	-12.5%
BII	0.7	235.0	-12.5%
VNT	53.1	20.7	-10.0%
SD6	2.8	427.1	-9.7%

#### Top 5 giá trị

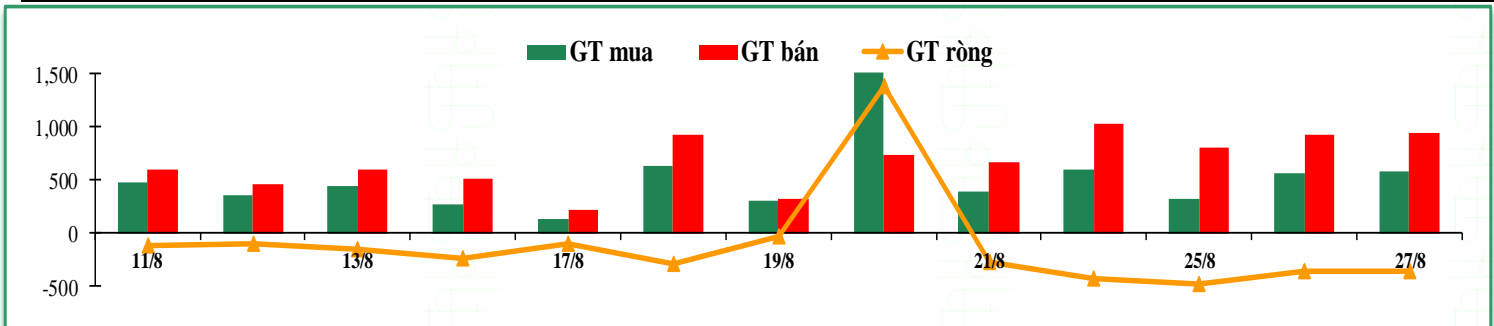
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.5	103.8	1.4%
SHB	13.6	38.4	1.5%
PVS	12.8	35.7	-0.8%
DST	5.1	32.7	-8.9%
TAR	21.9	22.8	-0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DST	5.1	6,398.0	-8.9%
ACB	21.5	4,863.6	1.4%
SHB	13.6	2,860.2	1.5%
PVS	12.8	2,787.8	-0.8%
NVB	8.2	2,217.8	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	580.5	12.2%	936.2	19.6%	-355.7
HNX	3.4	0.7%	10.1	2.0%	-6.7
<b>Tổng số</b>	<b>583.9</b>		<b>946.3</b>		<b>-362.3</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	83.5	140.2	0.0%
PLX	52.8	79.2	2.7%
VNM	117.2	56.5	0.1%
VHM	78.5	51.9	-1.3%
VIC	91.0	32.7	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	78.5	173.9	-1.3%
VCB	83.5	156.2	0.0%
VNM	117.2	94.1	0.1%
VSC	34.9	92.5	2.1%
HPG	24.3	55.8	0.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	52.8	48.9	2.7%
VIC	91.0	29.4	0.0%
NLG	27.6	22.7	0.6%
BVH	47.6	4.0	0.0%
GTN	25.4	3.2	1.6%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.6	1.8	0.9%
BVS	10.5	0.3	1.9%
INN	24.6	0.3	1.2%
TNG	11.8	0.2	-0.8%
WCS	199.5	0.1	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	64.6	2.4	-0.6%
SHB	13.6	1.6	1.5%
PVS	12.8	1.6	-0.8%
NTP	31.0	1.2	0.7%
VIX	9.6	1.1	9.1%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.6	1.7	0.9%
INN	24.6	0.3	1.2%
TNG	11.8	0.2	-0.8%
WCS	199.5	0.1	0.0%
PIA	27.1	0.1	0.0%

## Tin trong nước

### Xăng RON 95 tăng 190 đồng/lít, dầu giảm

Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu theo chu kỳ 15 ngày/lần từ 15h chiều nay. Giá xăng RON 95 tăng 192 đồng/lít, lên 15.114 đồng/lít. Trong khi đó, giá xăng E5 RON 92 không đổi, vẫn giữ ở mức 14.409 đồng/lít.

Như vậy, giá xăng đã trải qua 8 kỳ điều chỉnh liên tiếp không giảm (5 lần tăng, 3 lần giữ nguyên). Tính từ ngày 28/4, giá xăng E5 RON 92 đã tăng 3.467 đồng/lít, trong khi xăng RON 95 tăng 3.483 đồng/lít.

Các mặt hàng dầu đều giảm giá. Trong đó, dầu diesel giảm 240 đồng, còn 11.961 đồng/lít, dầu hoả hạ 82 đồng, còn 10.125 đồng/lít. Dầu mazut giữ nguyên mức giá cao nhất 11.183 đồng/kg như cách đây 15 ngày.

Tại kỳ điều chỉnh lần này, liên Bộ Tài chính - Công Thương không trích lập quỹ bình ổn giá xăng dầu với xăng E5 RON 92. Với xăng RON 95, liên Bộ trích lập ở mức 100 đồng/lít còn dầu hoả trích lập 200 đồng/lít, dầu mazut 100 đồng/kg.

### Xuất khẩu tôm sang Mỹ tăng 33% trong 7 tháng, dự báo tăng tiếp từ nay đến cuối năm

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tháng 7, xuất khẩu tôm Việt Nam đạt 388,5 triệu USD. Tính chung 7 tháng, xuất khẩu tôm đạt 1,9 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái. VASEP đánh giá kết quả này đáng ghi nhận trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn ở các thị trường chính.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, nhu cầu nhập khẩu tôm Việt Nam từ các thị trường lớn không bị sụt giảm. Việc kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam được đánh giá hiệu quả hơn so với các nước trong khi nhiều đối thủ cạnh tranh với Việt Nam vẫn phải vật lộn với dịch bệnh nên khách hàng những nước này chuyển sang nhập khẩu tôm của Việt Nam.

Cụ thể, xuất khẩu tôm Việt Nam thị trường lớn nhất là Mỹ trong tháng 7 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực 45,3% so với tháng 7/2019. 7 tháng, xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 435,2 triệu USD, tăng gần 33% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù dịch Covid-19, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ vẫn tăng trưởng dương từ đầu năm, dự báo vẫn tăng trưởng tốt trong những tháng tiếp theo.

Dù vậy, xuất khẩu sang Nhật Bản, thị trường lớn thứ hai, trong 7 tháng lại không ổn định. Trong tháng 7, xuất khẩu tôm sang Nhật Bản đạt 51,5 triệu USD, giảm 7,8% so với tháng cùng kỳ. 7 tháng, kim ngạch đạt 329,7 triệu USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu sang Trung Quốc trong tháng 7 vẫn tăng trưởng dương tuy nhiên tốc độ đã giảm so với tháng trước đó. Trong khi đó, kim ngạch sang các thị trường Hàn Quốc, Anh, Canada, Australia đồng loạt tăng trưởng hai con số trong tháng 7 năm nay.

Còn tại EU, xuất khẩu tôm Việt Nam có xu hướng tăng khi đạt 54,2 triệu USD, tăng 2% trong tháng 7. Tuy nhiên, tính chung 7 tháng, tôm Việt sang EU lại giảm 5,4% so với cùng kỳ, đạt 254,9 triệu USD do liên tục tăng trưởng âm từ tháng 3 đến tháng 6. Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ 1/8 sẽ là đòn bẩy để thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường EU trong những tháng cuối năm nếu các doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu tốt và tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan.

Theo VASEP, với những tín hiệu khả quan trọng trong 7 tháng qua, xuất khẩu tôm Việt Nam dự kiến vẫn tiếp tục tăng trưởng trong các tháng tới. Cả năm 2020, dự kiến xuất khẩu tôm Việt Nam đạt 3,6 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2019.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 20%**

Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (HoSE: SGN) thông báo ngày 15/9 giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt, tỷ lệ 20%. Ngày thanh toán dự kiến vào ngày 29/9.

Năm 2019, công ty chốt phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 40%, tương ứng với mức thanh toán 134 tỷ đồng. Như vậy, sau đợt 1, công ty vẫn còn đợt chia cổ tức tỷ lệ 20% nữa.

Trong bối cảnh lĩnh vực kinh doanh gặp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, doanh nghiệp lên kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất 820 tỷ và lãi sau thuế hợp nhất 10 tỷ cho năm 2020; lần lượt giảm 49% và 97% so với thực hiện năm 2019.

Nửa đầu năm, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không ghi nhận 449 tỷ đồng doanh thu, giảm 40,4%; lãi sau thuế 77 tỷ đồng, giảm 55% và vượt 670% kế hoạch năm.

Doanh nghiệp cho biết dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 1 khiến hoạt động khai thác của các hãng hàng không trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận quý I giảm 2% và 10% so với cùng kỳ năm trước.

### **An Tiến Industries trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu**

CTCP An Tiến Industries (HoSE: HII) thông qua phương án phát hành 4,2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019. Tỷ lệ thực hiện là 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần nhận thêm 15 cổ phần mới). Vốn điều lệ sau đó tăng lên 320 tỷ đồng.

Thời gian dự kiến phát hành vào quý III năm nay. Hiện công ty mẹ Nhựa An Phát Xanh (HoSE: AAA) nắm giữ 63,54% vốn. Cổ đông lớn còn lại là ông Lê Đức Long.

6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu 1.878,5 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế là 22 tỷ đồng, giảm 36%. Năm nay, An Tiến Industries đặt mục tiêu doanh thu 3.300 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 60 tỷ đồng. Sau nửa năm, công ty đạt 57% kế hoạch doanh thu và 37% kế hoạch lợi nhuận.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BFC	Chốt lời	28/08/20	15.55	12.2	27.5%	16.4	34.4%	11.8	-3.3%	Dấu hiệu tạo đỉnh ngắn hạn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DQC	Quan sát mua	28/08/20	16.8	18.5   20.2	Nền breakout vùng tích lũy kèm vol cao trở lại + MACD, RSI tăng trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 16.45-16.6
2	TDM	Quan sát mua	28/08/20	25	29   32	Phiên bật tăng tốt trở lại từ MA50 + vol cao trở lại, khả năng có nhịp tăng trở lại vượt đỉnh 26 -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 24.65-24.8
3	LIX	Quan sát mua	28/08/20	56.2	60-61	Các phiên điều chỉnh tích cực với vol giảm dần sau nhịp tăng tốt -> có thể cân nhắc tham gia khi về tiếp tục điều chỉnh về vùng hỗ trợ 55.3-55.8
4	STB	Quan sát mua	28/08/20	11.3	12.6-13	Các phiên tích lũy tích cực với vol giảm dần + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm quay lại nhịp tăng
5	VCS	Quan sát mua	28/08/20	64.6	70	Các phiên điều chỉnh tích cực với vol giảm dần -> có thể cân nhắc tham gia khi về tiếp tục điều chỉnh về vùng 63-63.3

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VHC	Nắm giữ	05/08/20	39.25	35.55	10.4%	40.7	14.5%	34	-4%	
2	HPG	Mua	10/08/20	24.3	24.2	0.4%	26.6	9.9%	23.2	-4%	
3	PAC	Mua	13/08/20	24.15	23.6	2.3%	25.9	10%	22.3	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	SAB	Mua	14/08/20	183	183	0.0%	206	13%	177	-3%
5	FMC	Mua	18/08/20	29.6	27.7	6.9%	32.3	17%	26.7	-4%
6	PVT	Mua	18/08/20	11.2	10.8	3.7%	12	11%	10.4	-4%
7	DGC	Nắm giữ	20/08/20	39.1	33.45	16.9%	43.5	30%	31.8	-5%
8	VCB	Mua	21/08/20	83.5	83	0.6%	90	8%	81.7	-2%
9	DMC	Mua	24/08/20	54.8	52.3	4.8%	58	11%	50.3	-4%
10	VRE	Mua	27/08/20	27.2	27.2	0.0%	28.6	5%	26.6	-2%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Tổng kê giao dịch chứng quyền ngày 27/08/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,400	-5.4 %	-9%	7,278	111	79,500	427	(973)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	9,890	-0.2 %	35%	2,221	74	49,850	1,246	(8,644)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,950	21.1 %	30%	4,156	63	49,850	1,335	(615)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,720	13.2 %	2%	22,669	57	49,850	1,311	(409)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,550	16.5 %	3%	2,563	140	49,850	3,504		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	630	5.0 %	-42%	2,997	39	28,150	253	(377)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,210	-0.9 %	1%	9,393	42	28,150	1,768	(442)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	10,810	-0.6 %	415%	6,228	35	24,300	5,355	(5,455)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2006	1,500	3,850	0.8 %	157%	15,722	20	24,300	1,158	(2,692)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,720	0.5 %	-9%	3,541	95	24,300	69	(3,651)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,820	1.3 %	139%	3,085	63	24,300	985	(2,835)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,610	0.5 %	-8%	90	144	24,300	630	(4,980)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,800	0.6 %	-1%	2,943	96	24,300	1,137	(5,663)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,810	-1.3 %	-5%	180	235	24,300	1,492	(5,318)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,170	-0.8 %	-8%	20	186	24,300	1,017	(5,153)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,510	1.2 %	14%	834	140	24,300	5,839		HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,450	-2.0 %	-28%	21,468	74	17,900	448	(1,002)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	60	17,900	6	6	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,100	-3.5 %	0%	5,890	63	17,900	753	(347)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,330	-2.9 %	-5%	2,033	140	17,900	6,292		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	580	5.5 %	-75%	5,231	111	53,600	7	(573)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	90	-10.0 %	-96%	7,782	20	53,600	(0)	(90)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2004	1,980	150	-16.7 %	-92%	8,057	8	53,600	0	(150)	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	470	-4.1 %	-78%	18,233	63	53,600	5	(465)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,230	-1.6 %	-35%	3,001	140	53,600	8,333		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,470	11.3 %	-1%	3,586	35	88,900	144	(2,326)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	200	-9.1 %	-90%	392	60	88,900	0	(200)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	9,400	7.8 %	-27%	1,078	95	88,900	4,669	(4,731)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	950	8.0 %	-27%	8,127	61	88,900	489	(461)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,330	6.4 %	-17%	31,500	57	88,900	926	(404)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,510	4.1 %	8%	7,844	140	88,900	7,699		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	111	62,900	131	131	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,550	-1.5 %	28%	320	195	62,900	969	(1,581)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	620	-16.2 %	-74%	8,322	35	58,800	0	(620)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	200	0 %	-90%	450	60	58,800	0	(200)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	480	-4.0 %	-52%	8,102	63	58,800	94	(386)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CPNJ2006	1,000	800	-4.8 %	-20%	11,856	140	58,800	5,296		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,490	0.7 %	49%	110	63	36,750	1,381	(109)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,650	0.8 %	69%	7,977	57	36,750	2,463	(187)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,740	2.4 %	34%	4	140	36,750	8,640		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	200	-4.8 %	-80%	15,676	111	2,250	(0)	(200)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	-	0 %	-100%	-	111	14,650	0	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,180	1.7 %	-31%	8,104	111	11,300	11,074	9,894	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	620	0 %	-54%	44,357	20	11,300	6,149	5,529	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,210	1.7 %	-14%	22,273	95	11,300	631	(579)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	540	3.9 %	-50%	6,612	68	11,300	66	(474)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	-	0 %	-100%	-	221	11,300	246	246	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	330	-10.8 %	-84%	305	60	21,150	0	(330)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,680	0 %	-44%	4,776	95	21,150	442	(1,238)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,810	-2.7 %	51%	1,648	63	21,150	1,622	(188)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,590	-4.8 %	-6%	8,302	140	21,150	10,115		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,130	-11.0 %	-64%	588	111	78,500	29	(1,101)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	8,160	-9.1 %	-29%	23,130	95	78,500	3,877	(4,283)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,200	-6.3 %	20%	33,229	63	78,500	889	(311)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	350	-22.2 %	-77%	2,035	39	78,500	0	(350)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,080	-6.9 %	-23%	1,313	140	78,500	7,603		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	111	99,600	0	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	370	-5.1 %	-81%	41	63	99,600	0	(370)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	130	-13.3 %	-92%	1,564	39	99,600	0	(130)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2003	1,450	2,360	0.4 %	63%	443	8	117,200	2,326	(34)	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020
CVNM2004	17,500	11,470	0.4 %	-34%	18	95	117,200	3,537	(7,933)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	1,940	0 %	29%	1,751	63	117,200	1,474	(466)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	310	0 %	-80%	19,539	39	117,200	0	(310)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,230	-4.7 %	-49%	13	195	117,200	160	(1,070)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2008	1,800	1,640	0.6 %	-9%	143	140	117,200	11,477		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,800	2.9 %	-47%	1,417	95	23,100	614	(1,186)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,120	2.8 %	-34%	11,243	63	23,100	511	(609)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,770	-8.3 %	-2%	2,055	140	23,100	11,390		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	390	0 %	-87%	17,033	111	27,200	1	(389)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,260	2.3 %	-44%	1,399	95	27,200	805	(1,455)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,260	-3.8 %	15%	14,349	63	27,200	1,080	(180)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	600	-1.6 %	-61%	25,172	221	27,200	161	(439)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,120	0.9 %	-7%	11	140	27,200	6,736		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">MSN</a> (New)	HOSE	53,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a> (New)	HOSE	24,300	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a> (New)	HOSE	105,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	105,900	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	23,100	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	57,000	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	30,850	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	58,800	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	42,300	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,000	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	48,950	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">SBT</a>	HOSE	14,650	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	22,750	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-
<a href="#">VGI</a>	UPCOM	27,100	28,300	10/07/2020	499	387	9,298	2%	1%	73.2	3.1	0%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	183,000	157,000	04/07/2020	4,799	7,094	32,249	23%	19%	22.1	4.9	35%
<a href="#">VJC</a>	HOSE	99,600	84,630	01/07/2020	83	153	33,994	0%	0%	553.1	2.5	0%
<a href="#">ANV</a>	HOSE	17,200	19,728	25/06/2020	315	2,474	21,175	12%	8%	8.0	0.9	10%
<a href="#">PVD</a>	HOSE	11,350	10,500	23/06/2020	68	163	33,029	0%	0%	64.4	0.3	0%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	27,600	32,600	12/06/2020	482	2,449	26,670	9%	5%	12.3	1.1	50%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	52,800	50,160	09/06/2020	2,166	1,674	18,941	9%	4%	30.0	2.7	20%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.  
\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)